



BẢN TIN HẢI QUAN Số 4915 (Từ 14/12 - 19/12/2015)	Nội dung VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ HẢI QUAN VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý	Trang 1 4
---	--	--------------------------------------



VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ HẢI QUAN

Công văn 1544/GSQL-GQ3 Ngày 03/12/2015	Hướng dẫn thủ tục hải quan đối với xăng dầu tái xuất chuyển tiêu thụ nội địa.
Công văn 1545/GSQL-GQ2 Ngày 03/12/2015	Hướng dẫn NK hàng tạo TSCĐ của DNCX.
Công văn 11462/TCHQ-TXNK Ngày 03/12/2015	Hướng dẫn lấy mẫu phân tích/giám định.
Công văn 1547/GSQL-GQ3 Ngày 04/12/2015	Hướng dẫn thực hiện việc nhập khẩu ô tô dưới dạng quà biếu, quà tặng.
Công văn 1549/GSQL-GQ3 Ngày 04/12/2015	Hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu du lịch quốc tế.
Công văn 11490/TCHQ-TXNK Ngày 07/12/2015	Hướng dẫn xử lý tiền chậm nộp.
Công văn 18195/BTC-TCHQ Ngày 08/12/2015	Hướng dẫn xử lý vướng mắc Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
Công văn 1098/XNK-TH Ngày 09/12/2015	Hướng dẫn thủ tục nhập khẩu gỗ từ Campuchia.
Công văn 11610/TCHQ-TXNK Ngày 09/12/2015	Hướng dẫn thông quan hàng hóa.
Công văn 18299/BTC-TCHQ Ngày 09/12/2015	Hướng dẫn xử lý thuế nhiên liệu tàu khoan.
Công văn 11693/TCHQ-TXNK Ngày 10/12/2015	Hướng dẫn mã số của bộ vi xử lý máy tính.
Công văn 11711/TCHQ-TXNK Ngày 11/12/2015	Hướng dẫn phân loại mặt hàng phân bón.
Công văn 11762/TCHQ-GSQL Ngày 11/12/2015	Kiểm tra, giám sát hàng tồn của cửa hàng miễn thuế Tân Thanh.
Công văn 11763/TCHQ-TXNK Ngày 11/12/2015	Hướng dẫn thời hạn nộp thuế đối với nguyên phụ liệu chuyển đổi mục đích sử dụng.
Công văn 18434/BTC-TCHQ Ngày 11/12/2015	Hướng dẫn nộp thuế GTGT.
Công văn 11767/TCHQ-TXNK Ngày 14/12/2015	Hướng dẫn thuế GTGT máy móc, thiết bị do công ty cho thuê tài chính NK.
Công văn 11826/TCHQ-TXNK Ngày 14/12/2015	Hướng dẫn nộp thuế GTGT của hàng hóa là nguyên liệu vật tư nhập khẩu để SXKK.



Công văn 11827/TCHQ-TXNK

Ngày 14/12/2015

Công văn 11840/TCHQ-GSQL

Ngày 15/12/2015

Công văn 11841/TCHQ-TXNK

Ngày 15/12/2015

Công văn 11862/TCHQ-GSQL

Ngày 15/12/2015

Công văn 11864/TCHQ-TXNK

Ngày 15/12/2015

Công văn 18626/BTC-TCHQ

Ngày 15/12/2015

Đề nghị không áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tại ngân hàng.

Hướng dẫn thủ tục cung ứng dầu nhờn từ kho ngoại quan cho tàu biển nước ngoài chạy tuyến quốc tế.

Hướng dẫn phân loại bộ micro không dây có gắn thiết bị thu.

Hướng dẫn khai bổ sung tờ khai hải quan.

Hướng dẫn xử lý nợ thuế.

Hướng dẫn về thời hạn nộp thuế.



VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

**Hướng dẫn xử lý vướng mắc
Thông tư số 38/2015/TT-BTC.**

Công văn này hướng dẫn xử lý vướng mắc từ Hải quan địa phương, cộng đồng doanh nghiệp khi thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, theo đó:

1. Về khai hải quan (Điều 18):

Đối với hàng hóa nhập khẩu là phương tiện vận tải đường biển thì người khai hải quan có thể lựa chọn thực hiện thủ tục nhập cảnh phương tiện vận tải trước, thực hiện thủ tục nhập khẩu sau hoặc thực hiện thủ tục nhập cảnh phương tiện vận tải đồng thời với thủ tục nhập khẩu.

2. Về khai bổ sung hồ sơ hải quan (khoản 1 Điều 20):

Người khai hải quan được thực hiện khai bổ sung trong các trường hợp quy định tại điểm b và điểm d Điều 20 Thông tư 38/2015/TT-BTC, trừ trường hợp nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm.

3. Khai bổ sung số hiệu container khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu (điểm a.5 khoản 3 Điều 20):

Trường hợp khi thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu chưa có số hiệu container hoặc số hiệu container có thay đổi so với khi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu mà người khai hải quan nộp Bản kê số hiệu container theo mẫu 31/BKCT/GSQL Phụ lục V Thông tư số 38/2015/TT-BTC cho công chức hải quan giám sát cửa khẩu để thực hiện việc cập nhật số container vào Hệ thống, công chức hải quan giám sát thực hiện kiểm tra Bản kê số hiệu container và chỉ chấp nhận cập nhật vào Hệ thống trong các trường hợp cụ thể như sau:

a) Trường hợp chưa có số container trên tờ khai xuất khẩu đã đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan: Người khai hải quan phải nộp thêm văn bản xác nhận hàng xuất khẩu được đóng vào container tại cửa khẩu xuất trong đó nêu cụ thể lý do hàng hóa phải đóng tại cửa khẩu xuất. Cơ quan Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế xác minh với các hãng tàu việc cấp vỏ container rỗng theo tiêu chí quản lý rủi ro để chấp nhận cập nhật thông tin số container vào Hệ thống;

b) Trường hợp số container thực tế có thay đổi so với tờ khai hải quan đã đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan: người khai hải quan: người



khai hải quan xuất trình chứng từ xác minh lý do phải thay đổi số hiệu container (Phiếu cấp container rỗng, Phiếu cấp lại container rỗng nếu phải đổi container...). Cơ quan Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế xác minh với các hãng tàu việc cấp vỏ container rỗng theo tiêu chí quản lý rủi ro để chấp nhận cập nhật thông tin số container vào Hệ thống.

Các trường hợp khác, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất hướng dẫn người khai hải quan thực hiện thủ tục khai bổ sung tờ khai tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai trước khi thực hiện thủ tục xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

4. Về đưa hàng về bảo quản (Điều 32):

Khi có yêu cầu đưa hàng về bảo quản, người khai hải quan nộp những chứng từ sau cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu 09/BQHH/GSQL Phụ lục V Thông tư 38/2015/TT-BTC trong đó có nêu cụ thể số tờ khai và địa điểm đưa hàng về bảo quản tại điểm 2 mẫu này (“2. Đề nghị cơ quan hải quan giải quyết cho doanh nghiệp được mang hàng thuộc tờ khai hải quan số... về bảo quản tại:...”).

b) 01 bản chụp giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành, xuất trình bản chính để cơ quan Hải quan đối chiếu.

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai căn cứ các chứng từ nêu trên để xem xét quyết định cho đưa hàng về bảo quản theo quy định tại Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

5. Về quy định về vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan (Điều 50):

Khi thực hiện khai báo hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo quy định tại Điều 50, Điều 51 Thông tư 38/2015/TT-BTC, chủ địa điểm thu gom hàng lẻ, chủ kho hàng không kéo dài phải là đại lý hải quan theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

6. Về địa điểm làm thủ tục hải quan (Điều 58):

Đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất thuê doanh nghiệp nội địa gia công, doanh nghiệp nội địa được lựa chọn thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp chế xuất hoặc địa điểm khác theo quy định tại Điều 58 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

7. Về báo cáo quyết toán theo năm tài chính đối với hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu và DNCX (Điều 60):

Đề doanh nghiệp có thể có số liệu báo cáo chính xác cho cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện như sau:

a) Số liệu trên bảng báo cáo quyết toán nguyên liệu, vật tư, thành phẩm sản xuất từ nguồn nhập khẩu: được lấy theo số liệu kế toán của doanh nghiệp;

b) Thời điểm để tính ngày chốt tồn nguyên vật liệu: là ngày kết thúc năm tài chính (ví dụ năm tài chính của doanh nghiệp bắt đầu từ 01/01/2015 - 31/12/2015 thì ngày chốt tồn nguyên vật liệu là ngày 31/12/2015);

c) Trị giá ghi trên bảng báo cáo quyết toán: là tổng trị giá của nguyên vật liệu nhập khẩu, thành phẩm được sản xuất từ nguồn nhập khẩu phát sinh trong năm tài chính (ví dụ trong năm tài chính từ 01/01/2015 - 31/12/2015, doanh nghiệp phát sinh 1000 tờ khai nhập khẩu nguyên vật



liệu để sản xuất hàng xuất khẩu thì ghi tổng trị giá của nguyên vật liệu nhập khẩu được ghi nhận trên sổ sách kế toán vào cột số (5) trên bảng báo cáo quyết toán nguyên liệu, vật tư, thành phẩm sản xuất từ nguồn nhập khẩu) theo mẫu số 15/BCQT/GSQL.

8. Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài; hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số nội dung sau (Điều 64):

a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công nếu tổ chức, cá nhân có nhu cầu xử lý nguyên vật liệu dư thừa, máy móc, thiết bị theo hình thức xuất trả, chuyển sang hợp đồng khác, bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại Việt Nam thì phải có văn bản thông báo với cơ quan hải quan trước khi thực hiện; thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b) Về quy định 3% nguyên liệu, vật tư dư thừa tại khoản 5 Điều 64 Thông tư 38/2015/TT-BTC thực hiện cụ thể như sau:

Phần nguyên liệu, vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng không vượt quá 3% tổng lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu của hợp đồng gia công này tính theo từng chủng loại nguyên liệu, vật tư của hợp đồng gia công thì khi bán, tiêu thụ nội địa không phải làm thủ tục hải quan chuyển đổi mục đích sử dụng nhưng phải kê khai nộp thuế với cơ quan thuế nội địa theo quy định pháp luật về thuế.

Khi báo cáo phương án giải quyết nguyên liệu, vật tư dư thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo mẫu số 17/XL-HĐGC/GSQL, tổ chức, cá nhân nêu rõ phần nguyên liệu, vật tư dư thừa của hợp đồng trong giới hạn 3% của tổng lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo hợp đồng tính theo từng chủng loại nguyên liệu, vật tư khi bán, tiêu thụ nội địa không phải làm thủ tục hải quan chuyển đổi mục đích sử dụng.

c) Khi phát sinh việc thanh toán tiền gia công bằng sản phẩm gia công thì thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn mác hàng hóa;

d) Việc tiêu hủy nguyên liệu, phế liệu, phế phẩm của DNCX thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

c) Liên quan đến quy định pháp luật về bảo vệ môi trường khi tiêu hủy, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ theo đúng quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải về phế liệu, cụ thể:

- Trường hợp tiêu hủy máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm là chất thải nguy hại hoặc có chứa các thành phần nguy hại thì thực hiện theo các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trường hợp tiêu hủy máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm không phải là chất thải nguy hại thì thực hiện theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Chương IV Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.



f) Về việc giám sát tiêu hủy thực hiện theo quy định tại điểm d.2 Khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Riêng việc tiêu hủy máy móc, thiết bị, nguyên liệu đối với các loại hình gia công và doanh nghiệp chế xuất cơ quan hải quan giám sát trực tiếp (trừ đối với trường hợp doanh nghiệp ưu tiên).

9. Liên quan đến thủ tục thanh lý hàng hóa là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển tạo tài sản cố định của DNCX (Điều 79):

Về thủ tục thanh lý tại thị trường Việt Nam, doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 79 hoặc Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (xuất nhập khẩu tại chỗ), cụ thể:

a) Trường hợp thực hiện theo Điều 79 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì khi bán vào nội địa DNCX liên hệ với cơ quan thuế nội địa để cơ quan thuế nội địa cấp 01 hóa đơn lẻ GTGT (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính). DNCX sử dụng đơn GTGT lẻ để xuất bán máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển được xác định bằng (=) số thuế GTGT ghi trên hóa đơn bán lẻ thanh lý máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển trừ (-) số thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu khi chuyển đổi mục đích sử dụng;

b) Trường hợp thực hiện theo Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì doanh nghiệp phải có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý, biện pháp thanh lý, lượng hàng cần thanh lý gửi Chi cục Hải quan quản lý DNCX và đăng ký tờ khai theo loại hình tương ứng, doanh nghiệp nội địa sẽ làm thủ tục nhập khẩu, nộp các loại thuế theo quy định. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

10. Về quản lý đối với hoạt động đặt gia công tại nước ngoài, ngoài các nội dung quy định tại Mục 3 Chương III Thông tư số 38/2015/TT-BTC Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất thực hiện như sau:

a) Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đặt gia công tại nước ngoài:

a.1) Trước khi tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đặt gia công tại nước ngoài phải thông báo hợp đồng gia công với Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục xuất khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và nhập khẩu sản phẩm (không phải thông báo cơ sở sản xuất). Nội dung hợp đồng đặt gia công phải có đầy đủ các thông tin theo quy định Điều 29 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP;

a.2) Thực hiện việc báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ngay sau khi kết thúc hợp đồng gia công. Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng giữa các năm tài chính thì chậm nhất là 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, tổ chức, cá nhân nộp báo cáo quyết toán tình hình phát sinh trong năm tài chính với các tiêu chí sau:

- Lượng nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (thống kê theo loại nguyên liệu, vật tư và kèm theo số tờ khai xuất khẩu);
- Lượng nguyên liệu, vật tư đã xuất khẩu nhưng phải thanh lý ở nước ngoài (bao gồm: tiêu hủy, bán);



Công văn 18195/BTC-TCHQ
Ngày 08/12/2015

**Hướng dẫn thời hạn nộp thuế đối
với nguyên phụ liệu chuyển đổi
mục đích sử dụng.**

Công văn 11763/TCHQ-TXNK
Ngày 11/12/2015

- Lượng nguyên liệu, vật tư còn tồn tại bên nhận gia công;
- Lượng sản phẩm gia công hoàn chỉnh nhập khẩu (kèm theo số tờ khai nhập khẩu);
- Lượng sản phẩm gia công hoàn chỉnh bán tại nước ngoài (kèm theo số tờ khai xuất khẩu);

b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

b.1) Tiếp nhận thông báo hợp đồng đặt gia công, báo cáo quyết toán và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Mục 4 Chương III Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b.2) Thực hiện việc theo dõi, quản lý và kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, kiểm tra báo cáo quyết toán đối với hoạt động đặt gia công tại nước ngoài như đối với hoạt động nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.

Công văn này trả lời vướng mắc về thời hạn nộp thuế đối với nguyên phụ liệu chuyển đổi mục đích sử dụng, theo đó:

Căn cứ Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính thì:

- Khoản 2 Điều 21 quy định: *“Trường hợp người nộp thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa nhưng không tự giác kê khai, nộp thuế với cơ quan hải quan, nếu cơ quan hải quan hoặc cơ quan chức năng khác kiểm tra, phát hiện thì người nộp thuế bị ấn định số tiền thuế phải nộp theo tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu ban đầu và bị xử phạt theo quy định hiện hành. Người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế còn thiếu, tiền chậm nộp và tiền phạt (nếu có) theo quyết định của cơ quan hải quan”.*

- Khoản 5 Điều 42 quy định: *“b) Các tờ khai hải quan đăng ký trước ngày 01/7/2013, nhưng cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế ấn định là ngày cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế”.*

Theo quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu theo loại hình SXKK có tờ khai đăng ký trước ngày 01/7/2013, doanh nghiệp tự ý thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa nhưng không kê khai với cơ quan hải quan thì bị cơ quan hải quan ấn định thuế. Việc ấn định thuế thực hiện trong thời gian Thông tư 38/2015/TT-BTC có hiệu lực thì thời hạn nộp thuế đối với số tiền thuế ấn định là ngày cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế.